

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT03021: AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG (HEALTH SAFETY AND ENVIRONMENT – HSE)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2.0 – Thực hành 0 – Tự học: 4)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 20 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 10 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý môi trường
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- *Về kiến thức:*
 - Hiểu được các vấn đề môi trường mà con người đang phải đối mặt.
 - Phân tích các tác động môi trường, nguy, rủi ro tiềm ẩn trong quá trình sản xuất
 - Vận dụng được các kiến thức về hệ thống quản lý môi trường; hệ thống an toàn, sức khỏe và môi trường.
- *Về kỹ năng:*
 - Nhận diện các khía cạnh môi trường, các mức độ rủi ro tiềm ẩn trong quá trình sản xuất.
 - Áp dụng được hệ thống quản lý môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong doanh nghiệp
 - Thiết kế sổ tay về hệ thống quản lý môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - Hiểu về văn hóa tổ chức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12
MT03021	An toàn sức khỏe và môi trường	P1	P2	I3					P8	I9		I11	I12

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Hiểu được các vấn đề môi trường tổng hợp mà con người đang phải đối mặt.	CDR1, CDR2,
K2	Hiểu được các tác động tới môi trường, sức khỏe nghề nghiệp trong quá trình sản xuất.	CDR1, CDR2, CDR3,
K3	Phân tích được các rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.	CDR1, CDR2, CDR 3,
K4	Vận dụng được các kiến thức về hệ thống quản lý môi trường, an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.	CDR1, CDR2, CDR3
Kỹ năng		
K5	Nhận diện được các khía cạnh môi trường và rủi ro tiềm ẩn trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.	CDR8, CDR3
K6	Vận hành được hệ thống quản lý môi trường, an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp trong sản xuất.	CDR8, CDR9
K7	Thiết kế được sổ tay về hệ thống quản lý môi trường, an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.	CDR2, CDR3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K8	Hiểu về văn hóa tổ chức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	CDR11, CDR12

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT03021. An toàn, Sức khỏe và Môi trường (Heath safety and enviroment). (02TC: 2 TC – 0 TC – 4TC).

Mô tả vắn tắt nội dung: Giới thiệu chung về HSE; Hệ thống quản lý môi trường doanh nghiệp; hệ thống an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường; Đánh giá hệ thống an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng.
- Thảo luận/Thảo luận nhóm
- Sử dụng các trường hợp nghiên cứu thực tế trong giảng dạy
- Giảng dạy trên E - Learning

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên nghiên cứu tài liệu, nhận diện các vấn đề liên quan

- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận và trình bày quan điểm về các nội dung của bài học.
- Tham gia thuyết trình, bảo vệ quan điểm, viết báo cáo về các nội dung học tập
- Sinh viên học tập và trao đổi với giảng viên trên E-Learning

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số giờ lý thuyết (22,5 tiết) để đạt điểm chuyên cần và đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước các tài liệu do giảng viên cung cấp, làm bài tập, bài thuyết trình và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Đánh giá giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia làm bài thi giữa kỳ.
- Thi cuối kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia làm bài thi cuối kỳ theo quy định.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần		10	Tuần 1 đến tuần 10
Rubric 1. Chuyên cần	K1, K2, K3, K4, K8		
Đánh giá quá trình		30	Tuần 5 – 10
Rubric 2. Thảo luận nhóm	K4, K5, K6, K7, K8		
Cuối kì		60	
Rubric 3: Thi cuối kì	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8		Theo lịch của Học viện

Rubric 1: Chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5– 8,4 điểm	Trung bình 4 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	20%	Luôn chú ý và tham gia phát biểu trên lớp và hoàn thành các bài tập	Khá chú ý, có tham gia phát biểu trên lớp và hoàn thành các bài tập	Có chú ý, ít tham gia phát biểu trên lớp và hoàn thành các bài tập	Không chú ý/không tham gia phát biểu trên lớp và hoàn thành các bài tập
Lên lớp đầy đủ	80%	Đủ: 100%; Vắng mỗi buổi học trừ 1 điểm; Vắng quá 25% cấm thi; Đi chậm 15 phút trừ 0.5 điểm.			

Rubric 2: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5– 8,4 điểm	Trung bình 4 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Hình thức	10	Trình bày đẹp, khoa học, cấu trúc hợp lý	Khoa học, cấu trúc hợp	Tương đối khoa học, có một số sai sót trong trình bày slide	Cấu trúc bài không hợp lý, có nhiều lỗi
Nội dung	40	Thông tin chính xác, phong phú, vượt yêu cầu của giảng viên	Thông tin chính xác, đáp ứng đủ yêu cầu của giảng viên	Tương đối chính xác, Nội dung tương đối đầy đủ theo yêu cầu	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Thảo luận	30	Thu hút được nhiều câu hỏi thảo luận. Trả lời tốt các câu hỏi đặt ra	Thu hút được nhiều câu hỏi, trả lời tương đối tốt các câu hỏi thảo luận	Thu hút ít sự quan tâm; trả lời các câu hỏi ở mức độ bình thường	Không thu hút được sự quan tâm; không trả lời được các câu hỏi thảo luận
Thuyết trình	20	Trình bày lưu loát, rõ ràng, diễn cảm; đủ thời gian quy định; Thu hút được sự lắng nghe của mọi người	Trình bày to, rõ ràng; đủ thời gian quy định, thu hút sự lắng nghe của mọi người	Trình bày tương đối rõ ràng, quá thời gian quy định nhưng không nhiều.	Trình bày nhỏ, không lưu loát, quá thời gian quy định nhiều; thiếu thuyết phục

Rubric 3: Thi cuối kỳ

Nội dung kiểm tra	Câu hỏi đánh giá	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Hiểu được các kiến thức cơ bản về HSE	Câu hỏi trong bộ đề thi	K1, K8
Hiểu được các kiến thức về hệ thống quản lý môi trường trong doanh nghiệp	Câu hỏi trong bộ đề thi	K2, K5, K8
Hiểu được hệ thống an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	Câu hỏi trong bộ đề thi	K3, K6, K8
Đánh giá được hệ thống an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.	Câu hỏi trong bộ đề thi	K4, K7, K8

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Nộp bài tập chậm: Trừ 50% điểm chuyên cần
- Không làm bài tập nhóm/thảo luận: 0 điểm
- Điểm thi cuối kỳ: Không tham gia thi cuối kỳ - 0 điểm
- Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng ý kiến khác biệt và quyền cá nhân

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Cao Trường Sơn (2019). Bài giảng An toàn, sức khỏe và Môi trường (Lưu hành nội bộ).

* Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)

1. ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường
2. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 về “Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động”.
3. Tiêu chuẩn OHSAS 18001 – Tiêu chuẩn quốc tế về an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Giới thiệu chung HSE	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm về HSE 1.2. Nội dung về quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường 1.3. Trách nhiệm của cán bộ quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường trong doanh nghiệp. 1.4. Mối quan hệ giữa HSE và các công cụ quản lý khác	K1, K8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) Sinh viên xem trước các nội dung lý thuyết chương 1.	K1, K8
2	Chương 2: Hệ thống quản lý môi trường doanh nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 2.1. Các vấn đề môi trường tại doanh nghiệp 2.2. Quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp 2.3. Quản lý chất thải công nghiệp 2.4. Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015	K2, K5, K8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) Sinh viên đọc trước ISO 14001:2015	K2, K8
3	Chương 3: Hệ thống an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (15 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 3.1. Các khái niệm cơ bản trong an toàn và vệ sinh lao động 3.2. Hệ thống pháp luật và quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp. 3.3. Nhận diện mối nguy hiểm và đánh giá rủi ro Nội dung thảo luận nhóm: (10 tiết) 3.4. Các kỹ thuật an toàn trong sản xuất	K3, K6, K8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) Sinh viên xem trước các nội dung lý thuyết chương 3	K3, K8

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Chương 4: Đánh giá hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	
4	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) 4.1. Hướng dẫn đánh giá tuân thủ luật an toàn – sức khỏe – nghề nghiệp 4.2. Hướng dẫn đánh giá tuân thủ luật Bảo vệ môi trường 4.3. Hướng dẫn xây dựng danh mục đánh giá sự tuân thủ trong doanh nghiệp. 4.4. Hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ tài liệu cần thiết để doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu luật pháp về an toàn vệ sinh lao động và môi trường.	K4, K7, K8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) Đọc trước Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	K4, K8

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng rãi, sạch sẽ trang bị đầy đủ các dụng cụ học tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, phấn bảng,....
- Các phương tiện khác:
- E- learning

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Đinh Thị Hải Vân

TS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Ngô Thế Ân

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 098-678-4458
Email: hongngockhtn@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: gọi điện, thư điện tử; fanpage	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Trần Công Chính	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 097.940.8783
Email: congchinh169@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email, điện thoại	